

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2026/DS-PT
Ngày 06 - 02 - 2026
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Ông Phùng Văn Định

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thuý Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 585/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 213/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 614/2025/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn N, sinh năm 1938 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số G, đường L, khóm E, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường A, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Sơn T, sinh năm 1993; Địa chỉ cư trú: Số B, Phan Ngọc H, khóm B, phường T, tỉnh Cà Mau (Theo văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 5 năm 2025, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ - Luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (có mặt).

- Bị đơn: Ông Võ Văn C, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, phường H, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trương Thị Mỹ H1, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Số G, đường A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 10 năm 2025, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Võ Văn T1 - Luật

sư của Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Văn N1, sinh năm 1962; Địa chỉ cư trú: Nhà không số, phường H, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
- *Người kháng cáo:* Ông Võ Văn C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Võ Văn N, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Sơn T trình bày:

Ông N có phần đất ruộng diện tích 10 công tầm lớn ($1.296\text{m}^2/\text{công}$), tọa lạc tại ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường H). Nguồn gốc đất được cha mẹ nguyên đơn tên Võ Văn K và Nguyễn Thị P chia cho vào khoảng năm 1978.

Thời điểm này do điều kiện công việc ông chưa có nhu cầu sử dụng, nên nguyên đơn cho anh ruột tên Võ Văn T2 sử dụng. Đến năm 1984, ông T2 lâm bệnh nên giao trả lại phần đất trên cho ông N thì ông N tiếp tục để lại 02 người con của ông T2 là Võ Văn N1 và Võ Văn C mượn canh tác. Ông N1 và ông C, mỗi người mượn của ông N 05 công. Đến khoảng năm 1995, ông N phát hiện ông C cò cho ông Nguyễn Văn V phần đất 05 công mà ông N cho ông C mượn sử dụng nói trên nên ông N đã lấy lại và cho ông N1 mượn canh tác luôn 05 công này. Hiện ông N1 đang quản lý, sử dụng của ông N tổng cộng là 10 công đất (bao gồm 05 công mà ông N cho ông C mượn trước đây).

Năm 2013, ông N phát hiện phần đất 05 công của ông C mượn, ông C đã kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Võ Văn C vào năm 1995 với diện tích 6740m^2 , thuộc thửa số 0206, tờ bản đồ số 02. Do đó, ông N đã yêu cầu Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C hòa giải tranh chấp. Tại buổi hòa giải ngày 29/5/2013, ông C thống nhất sẽ phối hợp làm thủ tục chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N, tuy nhiên ông C không thực hiện nên ông N tiếp tục yêu cầu UBND xã giải quyết, thì ngày 03/12/2014 ông C cam kết đến ngày 12/12/2014 đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân xã H để làm thủ tục chuyển quyền cho ông N, nhưng ông C cũng không thực hiện như cam kết cho đến nay.

Do đó, nay ông Võ Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận phần đất trồng lúa có diện tích 6740m^2 thuộc thửa số 0206, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường H, tỉnh Cà Mau), qua đo đạc thực tế có diện tích $6852,4\text{m}^2$ là của ông Võ Văn N.

Ngoài yêu cầu trên thì nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Võ Văn C trình bày:

Ông C có phần đất diện tích 32.720m^2 , đất tọa lạc tại ấp T, xã H, thành phố C, do UBND thị xã C cấp ngày 06/01/1995 cho ông Võ Văn C đứng tên quyền sử

dụng đất. Trong phần đất này, ông C đã chuyển nhượng lại cho Văn Thị Ú diện tích 6.762m². Phần đất đã chuyển nhượng cho Văn Thị Ú không liên quan đến phần đất đang tranh chấp trong vụ án.

Bị đơn ông Võ Văn C xác nhận có sự việc nguyên đơn ông N cho bị đơn mượn 05 công đất để sử dụng và bị đơn đã kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất luôn phần đất 05 công này. Tại Biên bản hòa giải ngày 29/5/2013 của Ủy ban nhân dân xã H có nội dung: Bị đơn thống nhất sẽ phối hợp làm thủ tục chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho nguyên đơn ông N, nhưng do ông N không gặp ông C để làm thủ tục chuyển nhượng nên không thực hiện được. Do sự việc đã giải quyết rồi, đã thỏa thuận thành nhưng nay nguyên đơn lại khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết là không đúng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trả lại Đơn khởi kiện cho nguyên đơn.

Bị đơn thống nhất bản vẽ, chứng thư thẩm định giá. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N1 trình bày:

Ông N1 là anh ruột của ông C. Ông N là chú ruột của ông C và ông N1. Vào năm 1978 ông, bà nội ông N1 tên ông Võ Văn K và Nguyễn Thị P có phân chia ruộng đất cho các người con trong gia đình, trong đó cho ông Võ Văn N (chú thứ 9) phần đất ruộng diện tích 10 công tầm lớn (tầm 3m), đất tọa lạc tại ấp T, xã H, Thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường H, tỉnh Cà Mau).

Do điều kiện công việc, ông N chưa có nhu cầu sử dụng đất nên có cho cha ông Nguồn là ông Võ Văn T2 (anh ruột của ông N) mượn sử dụng 10 công đất. Đến năm 1984, cha ông Nguồn lâm bệnh nên giao trả lại cho ông N 10 công đất nói trên. Tuy nhiên, lúc này ông N cũng chưa có nhu cầu sử dụng đất, nên tiếp tục để lại cho 02 anh em ông (Võ Văn N1 và Võ Văn C), mỗi người mượn 05 công để sử dụng.

Đến khoảng năm 1995, ông N lấy lại phần đất 05 công mà ông N đã cho ông C mượn để giao lại cho ông N1 mượn canh tác, lý do: Ông N phát hiện ông C lấy đất trên cổ cho ông 8 V. Hiện tại, ông N1 đang quản lý, sử dụng phần đất này.

Ngày 29/5/2013, ông N có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C hòa giải tranh chấp vì ông C đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất 05 công mượn của ông N. Ông N1 có tham dự buổi hòa giải. Tại buổi hòa giải, ông C thống nhất sẽ phối hợp làm thủ tục chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho ông N nhưng đến nay ông C chưa thực hiện như cam kết.

Năm 2021, ông N đã chuyển nhượng phần đất 05 công mà ông N cho ông N1 mượn, hiện ông N1 đã đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các bên không tranh chấp. Đối với 05 công của ông N cho ông C mượn, thì ông N đã có cho ông N1 vào năm 2021. Việc có đất giữa ông N và ông N1 chỉ thỏa thuận bằng miệng, thời gian có từ năm 2021 đến khi ông N có tiền thì chuộc lại. Giá cổ mỗi

công là 01 cây vàng 24K/năm. Hiện ông N1 đã giao đủ 05 cây vàng 24K cho ông N. Ông N1 quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 2021 cho đến nay. Hiện ông N1 không có tranh chấp với ông N, nên không đặt ra yêu cầu trong vụ án.

Nay ông N1 đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn về việc công nhận phần đất 05 công mà ông N đã cho ông C mượn nói trên. Còn việc cầm cố đất, chuyển nhượng đất giữa ông N1 và ông N với nhau hai bên tự thỏa thuận, giải quyết mà không đặt ra yêu cầu. Ông N1 xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 213/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn N về việc công nhận phần đất tọa lạc ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm T, phường H, tỉnh Cà Mau) qua đo đạc thực tế có diện tích 6852,4m² là của ông Võ Văn N. Đất thuộc thửa số 0206, tờ bản đồ số 02, theo Trích đo hiện trạng ngày 17/9/2025 của Công ty TNHH T4.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, bị đơn ông Võ Văn C có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm: Huỷ bản án sơ thẩm. Đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của ông Võ Văn C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn thống nhất tranh luận: Bản án sơ thẩm có nhiều sai sót về nội dung và thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Trình bày của các đương sự về nguồn gốc đất có nhiều mâu thuẫn. Ông N trình bày được cụ K, cụ P cho nhưng không có giấy tờ chứng minh. Ông N trình bày cho ông C mượn cũng không có giấy tờ chứng minh. Ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995 nên ông C là người có quyền sử dụng đất hợp pháp. Cụ K đã chết năm 1943 nên ông K không thể cho đất. Năm 1996, phần đất này thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông C nên bà A không có quyền lập di chúc.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ, con của ông N1 là bà Trần Thị H2 và chị Võ Thị Thảo N2 vào tham gia tố tụng làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bà H2, chị N2. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án số 213/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân

Khu vực 1 - Cà Mau. Chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau giải quyết lại vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà H2, chị N2.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất tranh luận: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc rõ ràng, được các đương sự thừa nhận là của cụ K, cụ P. Năm 1978, gia đình có hợp để chia đất cho ông N, được các con của cụ K, cụ P là bà T3, bà P1 xác nhận. Trong Tờ di chúc được lập năm 1996, bà Phạm Thị Á là mẹ ruột của ông C xác định: Ông N được cho 10 công đất. Ông N có cho ông N1, ông C mượn mỗi người 5 công đất. Do phần đất này nuôi tôm, không có cất nhà trên đất nên vợ, con ông N1 không có liên quan trong vụ án này. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ y Bản án dân sự sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 213/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Võ Văn C, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất tranh chấp được ký hiệu số 1, diện tích 6.852,4m² thuộc thửa 200 tờ bản đồ số 02 - Bản đồ chỉnh lý năm 2025 theo Trích đo hiện trạng ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Công ty TNHH T4, tọa lạc tại ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là khóm T, phường H, tỉnh Cà Mau) do ông Võ Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ 299 thuộc thửa 206 tờ bản đồ 02, diện tích 6.740 m².

[2] Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Võ Văn K, cụ Nguyễn Thị P là cha mẹ ông N và ông T2 (ông T2 là cha của ông N1, ông C) cho ông Võ Văn N năm 1978. Ông C cho rằng, ông N không có nhu cầu sử dụng nên để lại cho cha ông C và anh em ông C canh tác đến nay. Ông N trình bày, ông C cho em ông N là ông T2 mượn canh tác; khi ông T2 chết thì ông N cho ông C và ông N1 mượn, mỗi người 5 công đất. Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông N được cha mẹ cho đất sau đó, ông N cho ông T2 và các con của ông T2 là ông N1, ông C mượn đất được bà Võ Thị T3, bà Võ Thị P1 là chị em của ông N, ông T2 xác nhận (BL 60 - 62). Đồng thời, tại “Tờ Di Chúc” được lập ngày 07 tháng 4 năm 1996, bà Phạm Thị Á là mẹ của ông C có thể hiện nội dung: “*Phần đất ông bà chia lại cho cha mẹ và 07 anh em, trong 8 phần đất, có chú chín 1 phần bằng 10 công. Chú chín để cha mẹ làm và từ khi cha các con qua đời chú C1 cho N1 và C tiếp tục mượn làm...mẹ báo*

là trả lại cho chủ C1 và năm 1996 này chủ muốn làm hay cho mượn là tùy ở chủ, các con không được làm gì khác ngoài ý kiến của cha mẹ và chủ Thiểm Chín N3". Như vậy, ông N3 được cho 10 công đất. Ông N3 có cho ông C mượn đất canh tác là có căn cứ.

[3] Xét quá trình sử dụng đất, ông C canh tác phần đất tranh chấp từ năm 1984. Ông N1 là anh của ông C xác nhận: *Khoản năm 1995, ông N3 phát hiện ông C lấy đất có cho ông 8 V nên đã lấy lại giao cho ông N1 sử dụng đến nay.* Ngoài ra, bà A là mẹ của ông C cũng đã xác định trả đất cho ông C từ năm 1996. Như vậy, khoảng năm 1996, ông N3 đã lấy đất từ ông C và cho ông N1 tiếp tục sử dụng đất cho đến nay. Ông N1 cũng thừa nhận phần đất tranh chấp ông nguồn đang sử dụng là được ông N3 cho mượn canh tác. Đến năm 2021, ông N3 đã có đất cho ông N1. Do đó, có căn cứ xác định, ông N1 sử dụng đất tranh chấp từ năm 1996.

[4] Xét thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ông C đã tự kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất từ năm 1995. Tại Biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã H (Nay là phường H) ngày 29 tháng 5 năm 2013 giữa ông Võ Văn N, Võ Văn N1, Võ Văn C có nội dung: Ông N có cho ông C và ông N1 mỗi người mượn 5 công đất và yêu cầu đòi lại đất. Ông C trình bày: *"Ông C thống nhất với việc yêu cầu của ông Võ Văn N và sẽ phối hợp với ông N làm thủ tục chuyển tên trong GCN quyền sử dụng đất cho ông N"* (BL 07-09). Ngoài ra, tại Biên bản làm việc của Ủy ban nhân dân xã H với ông Võ Văn C ngày 03 tháng 11 năm 2014, ông C thống nhất thực hiện biên bản hoà giải ngày 29 tháng 5 năm 2013 và đồng ý thực hiện thủ tục chuyển tên giấy chứng nhận cho ông N (BL 10, 11). Như vậy, chính ông C đã thừa nhận có mượn đất canh tác và đồng ý chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N. Án sơ thẩm công nhận quyền sử dụng phần đất tranh chấp cho ông N là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, luật sư Võ Văn T1 cho rằng: Án sơ thẩm không đưa vợ, con ông N1 là bà Trần Thị H2, chị Võ Thị Thảo N2 tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, ông N1 thừa nhận phần đất tranh chấp là của ông N. Ông N1 nhận có đất của ông N từ năm 2021 và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Ông N chỉ yêu cầu công nhận quyền sử dụng phần đất cho ông N, không yêu cầu ông N1 trả đất, cũng không yêu cầu giải quyết hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất nên Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau không đưa bà H2, chị N2 tham gia tố tụng cũng không ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị H2, chị Võ Thị Thảo N2. Do đó, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu hủy án sơ thẩm do đưa thiếu người tham gia tố tụng là không được chấp nhận.

[6] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 213/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn C phải chịu 300.000 đồng. Ông C có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 213/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn N về việc công nhận phần đất tọa lạc ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm T, phường H, tỉnh Cà Mau) qua đo đạc thực tế có diện tích 6852,4m² là của ông Võ Văn N. Đất thuộc thửa số 0206, tờ bản đồ số 02, theo Trích đo hiện trạng ngày 17/9/2025 của Công ty TNHH T4.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định pháp luật.

2. Chi phí tố tụng: Buộc ông Võ Văn C hoàn trả cho ông Võ Văn N chi phí đo đạc, thẩm định giá tổng số tiền là 17.999.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền nói trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn C phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn C phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng đã dự nộp ngày 29/9/2025, Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000556 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Trung